

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-ST

Ngày: 18/4/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Ông Danh Cư

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2014/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2014 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: Số 442 N, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1991

(Theo Giấy ủy quyền số 316/2020/UQ-TTT ngày 03/8/2020)

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: số 41 đường 284 C, Phường Z, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi làm việc: A9/251/1 Ấp J, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Ô Thị Mỹ P, sinh năm: 1971

Địa chỉ: số 41 đường 284 C, Phường Z, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 06/10/2014, biên bản tự khai ngày: 17/12/2014; 01/9/2015; 09/7/2020; 26/11/2020; 13/05/2021; 05/7/2022, 28/2/2023 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/08/2008 và ngày 16/12/2010 Ngân hàng T (viết tắt là ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn N theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng T – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân và theo yêu cầu của ông N, ngân hàng đã cấp cho bà Ô Thị Mỹ P một thẻ phụ để sử dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 808.918.316 đồng.(gồm thẻ 436438 – 6281 là 472.393.069 đồng, thẻ 472075 – 6616 là 336.525.247 đồng). Trong quá trình thực hiện sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 890.000.536 đồng. Cụ thể là: thẻ 436438 – 6281 là 490.096.854 đồng (trong đó thanh toán tiền phí là 27.361.231 đồng và lãi trong hạn là 148.736.307 đồng) thẻ 472075 – 6616 là 339.903.682 đồng (trong đó thanh toán tiền phí 9.474.197 đồng và lãi trong hạn 72.255.769 đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (cụ thể: thẻ Visa 436438 – 6281 ngày 26/01/2015, thẻ 472075 – 6616 ngày 04/02/2015) và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 176.745.274 đồng làm nợ gốc (các khoản phí và lãi trong hạn trước ngày chuyển nợ quá hạn ông N đã thanh toán hết cho ngân hàng), áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng đến thời điểm hiện tại). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng và vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký.

Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán số tiền còn nợ, cụ thể : Nợ gốc (thẻ visa 436438 – 6281) là: 158.393.753 (một trăm năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng; (thẻ visa 472075 – 6616) là: 18.351.521 (mười tám triệu ba trăm năm mươi một ngàn năm trăm hai một) đồng. Tổng cộng 2 thẻ là 176.745.274(một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn) đồng. Tiền lãi trong hạn: 0, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/7/2022 là:

516.234.038 (năm trăm mười sáu triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn không trăm ba mươi tám) đồng với lãi suất áp dụng là $2,15\% \times 150\% = 3,225\%$ / tháng; cụ thể: Thẻ visa 436438-6281 là 462.810.614 đ(bốn trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ngàn sáu trăm mười bốn) đồng; thẻ 472075-6616 là 53.423.424 (năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi bốn) đồng. Tổng cộng: nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/7/2022 (bao gồm cả 2 thẻ) là 692.979.312 (sáu trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm mười hai) đồng

Tại biên bản tự khai ngày 06/5/2020 đại diện nguyên đơn cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn N trả nợ, không yêu cầu bà Ô Thị Mỹ P là vợ ông N và gia đình phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với ông N.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn N trả cho ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 05/7/2022 là 692.979.312 (sáu trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm mười hai) đồng gồm nợ gốc là 176.745.274 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng) ; lãi quá hạn là 516.234.038 (năm trăm mười sáu triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn không trăm ba mươi tám) đồng, tiền lãi sẽ tiếp tục được phát sinh từ ngày 06/7/2022 cho đến khi ông N trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Ông N phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt nên Tòa án không thể thu được lời khai, tài liệu, chứng cứ và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ô Thị Mỹ P đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do bà P vắng mặt nên Tòa án không thể thu được lời khai, tài liệu, chứng cứ và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8: Bà Ngô Thị Kim Sinh phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng T thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn N và bà Ô Thị Mỹ P nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông N, bà P đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông N, bà P đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 30/3/2023 Ông Nguyễn Ngọc M có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn N do ông Nguyễn Ngọc M làm đại diện theo ủy quyền. Do ông Nguyễn Ngọc M đi công tác ở xa nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với đại diện nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn N đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên đương sự này phải chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập và lời khai của đại diện nguyên đơn tại các biên bản tự khai ngày: 17/12/2014; 05/7/2022 thể hiện:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/08/2008 (số thẻ 472075-6616) và ngày 16/12/2010 (số thẻ 436438-6281) mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã ký với ông Nguyễn Văn N (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng T. Có căn cứ xác định giữa ngân hàng và ông Nguyễn Văn N có xác lập hợp đồng tín dụng thông qua việc ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng số 472075-6616 và số 436438-6281, với các điều khoản cụ thể: Hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất là 2,15%/ tháng (lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 808.918.316 (tám trăm lẻ tám triệu chín trăm mười tám ngàn ba trăm mười sáu) đồng. Đồng thời ông N cũng đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 870.547.682 (tám trăm bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi hai) đồng. Sau đó do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ dù được ngân hàng đôn đốc nhắc nợ nhiều lần nhưng ông N vẫn không thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/7/2022 thì ông N còn nợ ngân hàng số tiền Nợ gốc (thẻ visa 436438 – 6281) là: 158.393.753 (một trăm năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng; lãi quá hạn là: 462.810.614 (bốn trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ngàn sáu trăm mười bốn) đồng; Nợ gốc (thẻ visa 472075 –

6616) là: 18.351.521 (mười tám triệu ba trăm năm mươi một ngàn năm trăm hai mốt) đồng; lãi quá hạn là: 53.423.424 (năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi bốn) đồng. Tổng cộng là 692.979.312 (sáu trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm mười hai) đồng. Do vậy có đủ cơ sở để xác định việc giao dịch giữa ngân hàng với ông N là có thật và các khoản nợ trên là có thật, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Xét về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/08/2008 (số thẻ 472075-6616) và ngày 16/12/2010 (số thẻ 436438-6281) và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ANZ dưới sự đồng ý của Ngân hàng T và Thông báo nhắc nợ ngày 20/7/2014. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (cụ thể: thẻ Visa 436438 – 6281 ngày 26/01/2015, thẻ 472075 – 6616 ngày 04/02/2015) và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 176.745.274 đồng làm nợ gốc (các khoản phí và lãi trong hạn trước ngày chuyển nợ quá hạn ông N đã thanh toán hết cho ngân hàng), áp dụng lãi suất nợ quá hạn là $2,15\% \times 150\% = 3,225\%$ / tháng. Tính đến ngày 18/4/2023 ông Nguyễn Văn N còn nợ ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc là 176.745.274 đ (một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn) đồng, lãi trong hạn: 0 đồng, lãi quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 18/4/2023 là 570.764.325đ (năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm) đồng. Tổng cộng là 747.509.599 (bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm lẻ chín ngàn năm trăm chín mươi chín) đồng.

Tại biên bản tự khai ngày 06/5/2020 đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn N trả nợ, không yêu cầu bà Ô Thị Mỹ P là vợ ông N phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với ông N. Xét việc thay đổi yêu cầu này có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán khoản tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh của Ngân hàng T là có căn cứ cần chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 176.745.274 đ (một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 570.764.325đ (năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm) đồng. Tổng cộng là 747.509.599 (bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm lẻ chín ngàn năm trăm chín mươi chín) đồng, tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Văn N trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông Nguyễn Văn N phải chịu toàn bộ án phí .

Ngân hàng T không phải chịu án phí được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 122, 401, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các điều 26, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 269, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các điều 2, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn N.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng T. Buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc 176.745.274 đ (một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 570.764.325đ (năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm) đồng. Tổng cộng là 747.509.599 (bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm lẻ chín ngàn năm trăm chín mươi chín) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm là 33.900.383đ (ba mươi ba triệu chín trăm ngàn ba trăm tám mươi ba) đồng ông Nguyễn Văn N phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Ngân hàng T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.342.265(bốn triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03895 ngày 20/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh